TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01370

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Công nghệ làm sạch Cellulose (205715) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 09/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD404 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08134008	HOÀNG THỊ	AN	DH08GB	1		8	8	8,5	8,4	8	4
2	07134001	NGUYỄN THỊ TRƯỜNG	AN	DH08GB	1		9	8	7	7,5	7	5
3	09134002	NGUYỄN TRỌNG	DUY	DH09GB	1		8	7	6	6,5	6	5
4	08134020	VÕ THÚY	HẰNG	DH08GB	1		9	8,5	8	8,3	8	3
5	08134001	ĐOÀN THỊ KIM	HIỀN	DH08GB	1		8	7,5	8	8	8	0
6	08134021	VÕ THỊ KIỀU	HOA	DH08GB	1		8	7,5	9	8,7	8	7
7	09134004	NGUYỄN MINH	HÙNG	DH09GB	1		9	7,5	8,5	8,5	8	5
8	07134009	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	DH08GB	1		8,5	8	6,5	7,1	7	1
9	09134020	TRẦN THỊ CẨM	HƯỜNG	DH09GB	1		8	7,5	5,5	6,2	6	2
10	08134030	TRƯƠNG THỊ THÙY	LIÊN	DH08GB	1		8,5	9	7	7,5	7	5
11	08134039	LÊ THỊ THÚY	LIỄU	DH08GB	1		8	7,5	7	7,3	7	3
12	08134011	NGUYỄN LIÊN	MAI	DH08GB	2		8	9	7,5	7,8	7	8
13	08134012	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGÂN	DH08GB	1		8	8	7,5	7,7	7	7
14	08134013	NGÔ THỊ HÀ	NHÂN	DH08GB	1		8,5	8	5,5	6,4	6	4
15	09134023	MAI THỊ TUYẾT	NHUNG	DH09GB	1		8,5	7,5	8,5	8,4	8	4
16	09134024	LÊ HỮU	PHƯỚC	DH09GB	1		8	8	5	6	6	0
17	08134003	NGUYỄN THỊ KIM	SƯƠNG	DH08GB	1		8,5	8,5	8	8,2	8	2
18	08134015	PHAN THỊ	THẢO	DH08GB	1		10	9	8	8,5	8	5

Số bài: 27 ; Số tờ: 28

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2: Lê T. Luận; Trần Thanh Trúc

Duyệt của Trưởng Bộ môn: Phan Trung Diễn

Cán bộ chấm thi 1&2: Lê Thanh Thủy

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01370

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Công nghệ làm sạch Cellulose (205715) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 09/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD404 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08134004	NGUYỄN MINH	THIỆN	DH08GB	1		9	8,5	9	9	9	0
20	08134016	TRẦN BÉ	THUẬN	DH08GB	1		7,5	8	9	8,6	8	6
21	09134010	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY	DH09GB	1		8	8	6	6,6	6	6
22	08134006	HUỲNH THỊ ÁI	THƯƠNG	DH08GB	1		9,5	8,5	8,5	8,7	8	7
23	09134013	HOÀNG NGÔ THỊ KIỀU	TRANG	DH09GB	1		8	7	5,5	6,2	6	2
24	09134030	MAI QUỐC	TRÍ	DH09GB	1		8	8,5	6	6,7	6	7
25	07134026	NGUYỄN MINH	ỨNG	DH08GB	1		8	7,5	8	8	8	0
26	09134014	TRẦN THỊ TƯỜNG	VI	DH09GB	1		8,5	7,5	9,5	9,1	9	1
27	08134027	NGUYỄN THỊ DIỄM	XUÂN	DH08GB	1		8,5	8	8,5	8,5	8	5

Số bài: 27 ; Số tờ: 28

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2: Lê T. Luận; Trần Thanh Tuyền

Duyệt của Trưởng Bộ môn: Phan Trung Diễn

Cán bộ chấm thi 1&2: Lê Thanh Thủy

Ngày 12 tháng 12 năm 2011